

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 18

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**

Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,  
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã hợp nhất được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

<b><u>Hội đồng Quản trị</u></b>	<b>Chức vụ</b>
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Hào	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khanh	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Mai Dung	Thành viên
Ông Đặng Anh Tuấn	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Duy Khanh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Công	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Nguyễn Duy Khanh**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2011*

Số: /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Kính gửi:** **Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động kết thúc tại ngày 30/6/2011 được lập ngày 29/7/2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 18 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán đề ngày 28/02/2011, trong đó đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

*Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính các vấn đề sau:*

- Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa được hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- Các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế có tỷ lệ góp vốn là 84% và 55%. Tại ngày 30/06/2011, các cổ đông thiểu số chưa thực hiện góp vốn vào hai công ty con này. Theo đó, Công ty không thực hiện loại trừ lợi ích của cổ đông thiểu số trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

---

**Bùi Văn Ngọc**  
**Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0035/KTV

---

**Nguyễn Đức Tiến**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2011*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

**MÁU SỐ B 01 - DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/06/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>121.744.751.356</b>	<b>132.054.984.986</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>28.346.019.051</b>	<b>66.316.441.153</b>
1. Tiền	111		4.392.019.051	1.916.441.153
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.954.000.000	64.400.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>31.633.264.200</b>	<b>13.582.581.761</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		38.873.842.000	19.653.224.761
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(7.240.577.800)	(6.070.643.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>24.294.576.560</b>	<b>16.226.672.880</b>
1. Phải thu khách hàng	131		214.439.120	1.213.866.693
2. Trả trước cho người bán	132		16.327.849.019	6.976.616.765
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	2.670.000
4. Các khoản phải thu khác	135	<b>6</b>	7.752.288.421	8.033.519.422
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>71.304.883</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		71.304.883	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37.399.586.662</b>	<b>35.929.289.192</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		72.042.506	6.011.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.910.217.833	1.425.380.926
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>7</b>	35.417.326.323	34.497.897.266
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>153.456.810.790</b>	<b>135.016.411.190</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>54.142.739.790</b>	<b>37.344.016.190</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	1.201.258.516	1.263.599.842
- Nguyên giá	222		1.605.690.378	1.582.230.378
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(404.431.862)	(318.630.536)
2. Tài sản cố định vô hình	227		3.580.648	5.580.648
- Nguyên giá	228		64.888.000	64.888.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(61.307.352)	(59.307.352)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>9</b>	52.937.900.626	36.074.835.700
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>96.142.071.000</b>	<b>94.497.671.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>10</b>	7.121.404.000	5.477.004.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>11</b>	89.020.667.000	89.020.667.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.172.000.000</b>	<b>3.174.724.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	2.724.000
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.172.000.000	3.172.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>275.201.562.146</b>	<b>267.071.396.176</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

**MẪU SỐ B 01 - DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>27.376.930.061</b>	<b>20.218.276.891</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27.376.930.061</b>	<b>20.218.276.891</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	1.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		6.792.218.992	12.624.270.072
3. Người mua trả tiền trước	313		5.495.887.500	4.839.310.500
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	<b>12</b>	170.297.517	65.250.348
5. Phải trả người lao động	315		321.186.895	878.379.460
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	<b>13</b>	14.001.243.814	211.271.168
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		596.095.343	599.795.343
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>14</b>	<b>247.824.632.085</b>	<b>246.853.119.285</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>247.824.632.085</b>	<b>246.853.119.285</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		264.000.000.000	264.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		48.496.600.000	48.496.600.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.268.874.614	1.268.874.614
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		24.751.612	24.751.612
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(65.965.594.141)	(66.937.106.941)
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)</b>	<b>440</b>		<b>275.201.562.146</b>	<b>267.071.396.176</b>

Nguyễn Duy Khanh  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Văn Hiếu  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

**MẪU SỐ B 02 - DN**  
Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011</b>	<b>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		-	<b>72.774.545</b>
2. Giá vốn hàng bán	11		-	-
<b>3. Lợi nhuận gộp về bán hàng</b>	<b>20</b>		-	<b>72.774.545</b>
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	<b>15</b>	4.880.213.957	5.774.217.259
5. Chi phí tài chính	22	<b>16</b>	1.169.959.800	137.180.621
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.838.190.970	3.016.868.679
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>872.063.187</b>	<b>2.692.942.504</b>
8. Thu nhập khác	31		171.341.928	43.447.373
9. Chi phí khác	32		7.120.000	57.602.398
10. Lợi nhuận khác	40		164.221.928	(14.155.025)
<b>11. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.036.285.115</b>	<b>2.678.787.479</b>
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	<b>17</b>	64.772.315	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế</b>	<b>60</b>		<b>971.512.800</b>	<b>2.678.787.479</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		971.512.800	2.678.787.479
<b>15. Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>18</b>	<b>37</b>	<b>101</b>

Nguyễn Duy Khanh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Văn Hiếu  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

**MẪU SỐ B 03 - DN**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011</b>	<b>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>	<b>971.512.800</b>	<b>2.678.787.479</b>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>		<b>(3.622.477.831)</b>	<b>(3.741.919.989)</b>
- Khấu hao tài sản cố định	02	87.801.326	92.199.239
- Các khoản dự phòng	03	1.169.934.800	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.880.213.957)	(3.834.119.228)
<i>3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>(2.650.965.031)</b>	<b>(1.063.132.510)</b>
- Tăng các khoản phải thu	09	(17.607.433.622)	(25.973.759.386)
- Tăng hàng tồn kho	10	(71.304.883)	-
- Tăng các khoản phải trả	11	1.731.432.090	(46.807.906)
- Tăng chi phí trả trước	12	(63.307.506)	(139.606.800)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	11.210.300.000	2.304.452.566
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.000.000.000)	(1.171.938.811)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>(8.451.278.952)</b>	<b>(26.090.792.847)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.726.318.108)	(1.014.986.237)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	28.483.280.000
3. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(65.644.400.000)	(83.104.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	39.100.000.000	4.240.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay	27	4.751.574.958	2.685.383.477
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>(28.519.143.150)</b>	<b>34.310.573.240</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.000.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>(1.000.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(37.970.422.102)</b>	<b>8.219.780.393</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>66.316.441.153</b>	<b>6.875.907.752</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>28.346.019.051</b>	<b>15.095.688.145</b>

Nguyễn Duy Khanh  
 Tổng Giám đốc  
 Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2011

Nguyễn Văn Hiếu  
 Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103013346 ngày 31/07/2006, đăng ký thay đổi lần 8 số 0102005769 ngày 21/07/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng

Danh sách cổ đông sáng lập:

<b>STT</b>	<b>Tên cổ đông</b>	<b>Số cổ phần</b>	<b>Giá trị cổ phần</b>
1.	Nguyễn Đỗ Lăng	8.100.000	81.000.000.000
2.	Nguyễn Mạnh Hào	400.000	4.000.000.000
3.	Nguyễn Duy Khanh	1.500.000	15.000.000.000

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2011 là 40 người, tại ngày 31/12/2010 là 26 người.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Dịch vụ tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (Không bao gồm tư vấn luật pháp, tư vấn tài chính);
- Tư vấn, môi giới, kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn về quản lý kinh doanh, chiến lược kinh doanh;
- Nghiên cứu, phân tích thị trường;
- Tư vấn mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp, cổ phần hóa (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình, tư vấn pháp luật và tài chính);
- Dịch vụ môi giới, xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị, hội thảo, triển lãm;
- Dịch vụ quan hệ công chúng;
- Quảng cáo thương mại và phi thương mại;
- Dịch vụ đánh giá hiệu quả kinh tế dự án;
- Dịch vụ cầm đồ;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bảo hiểm;
- Xây dựng dân dụng, giao thông thủy lợi;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch; kinh doanh khách sạn; kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Đại lý bán vé máy bay, vé tàu hỏa, vé xe Bus, Tour du lịch;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và theo tuyến cố định;
- Sản xuất mua bán, khai thác, chế biến và vận tải các loại khoáng sản (trừ những loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Bốc xúc đất đá và khai thác mỏ (theo quy định của pháp luật hiện hành); và
- Xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông, cảng hàng không.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện pháp lý có liên quan.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Riêng báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

**Các bên liên quan**

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm:

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương: là Công ty cũng được 02 cổ đông của Công ty là Ông Nguyễn Đỗ Lăng và Ông Nguyễn Duy Khanh tham gia góp vốn cổ đông sáng lập.
- Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh: Công ty góp vốn vào Công ty TNHH MTV Châu Á Thái Bình Dương Bắc Ninh với tỷ lệ phần sở hữu là 100%.
- Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên: Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Thái Nguyên với tỷ lệ phần sở hữu là 84%.
- Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế: Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư APEC Land Huế với tỷ lệ phần sở hữu là 55%.
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương: Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương với tỷ lệ phần sở hữu là 49%.
- Trường Đại học Tư thục Đông Nam Á: Công ty góp vốn vào Trường Đại học Tư thục Đông Nam Á với tỷ lệ phần sở hữu là 23%.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con và công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

**Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa được hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết.**

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

**Thời gian khấu hao  
(Số năm)**

Máy móc thiết bị	7
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	3
	9

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được trích khấu hao theo đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán niêm yết được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán chưa được niêm yết được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản vốn góp vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh là một khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính.

**Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 30/06/2011, Công ty có khoản lỗ phát sinh của năm 2008 còn lại là 69.315.811.426 đồng có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 5 năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên đây là báo cáo cho kỳ hoạt động từ ngày 1/1/2011 đến ngày 30/6/2011 nên Công ty không xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho số lỗ này. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại sẽ được Công ty xem xét ở thời điểm cuối năm.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	602.040.812	242.500.279
Tiền gửi ngân hàng	3.789.978.239	1.673.940.874
Các khoản tương đương tiền (*)	23.954.000.000	64.400.000.000
	<b>28.346.019.051</b>	<b>66.316.441.153</b>

**Ghi chú:** (\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi và các khoản ủy thác vốn đầu tư có kỳ hạn 1 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2011		31/12/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b>		#####		<b>10.623.842.000</b>
Công ty Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Hải Phòng	100.000	1.130.000.000	100.000	1.130.000.000
Công ty Cổ phần Thép Đình Vũ	94.500	4.533.025.000	94.500	4.533.025.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	93.350	2.987.200.000	93.350	2.987.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất Nhập khẩu FOODINCO	17.199	701.190.000	17.199	701.190.000
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	14.594	323.900.000	14.594	323.900.000
Công ty Cổ phần Len Hà Đông	14.285	857.100.000	14.285	857.100.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	8.482	84.820.000	8.482	84.820.000
Công ty Hà Nội Milk	80	1.472.000	80	1.472.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2	103	1.030.000	103	1.030.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	101	4.105.000	101	4.105.000
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>		#####		<b>9.029.382.761</b>
<b>Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán ngắn hạn</b>		#####		<b>(6.070.643.000)</b>
		#####		<b>13.582.581.761</b>

Trong các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, Công ty có các khoản đầu tư cổ phiếu vào các doanh nghiệp chưa niêm yết. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, trong bối cảnh thị trường chứng khoán hiện nay có thể giá trị cổ phiếu bị suy giảm đáng kể so với giá trị ban đầu của khoản đầu tư, theo đó có thể ảnh hưởng đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty CP Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	678.500.000	678.500.000
Phạm Duy Hưng - Tạm ứng tiền mua đất Dự án Nam An	6.036.488.366	6.036.488.366
Vũ Thanh Tùng - Cho vay mua chứng khoán	640.250.000	640.250.000
Lãi dự thu	128.638.999	-
Các khoản phải thu khác	268.411.056	678.281.056
	<b>7.752.288.421</b>	<b>8.033.519.422</b>

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng	34.344.860.123	23.215.131.066
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.072.466.200	11.282.766.200
	<b>35.417.326.323</b>	<b>34.497.897.266</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Đơn vị: VND			
	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 31/12/2010	12.000.000	1.537.360.605	32.869.773	1.582.230.378
Mua trong năm	-	-	23.460.000	23.460.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2011	12.000.000	1.537.360.605	56.329.773	1.605.690.378
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>				
Tại ngày 31/12/2010	638.095	303.150.325	14.842.116	318.630.536
Khấu hao trong năm	1.500.000	76.868.030	7.433.296	85.801.326
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2011	2.138.095	380.018.355	22.275.412	404.431.862
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/06/2011	<b>9.861.905</b>	<b>1.157.342.250</b>	<b>34.054.361</b>	<b>1.201.258.516</b>
Tại ngày 31/12/2010	<b>11.361.905</b>	<b>1.234.210.280</b>	<b>18.027.657</b>	<b>1.263.599.842</b>

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 VND
<b>Tại ngày 01 tháng 01</b>	<b>36.074.835.700</b>
Tăng trong kỳ	16.863.064.926
Giảm trong kỳ	-
<b>Tại ngày 30 tháng 06</b>	<b>52.937.900.626</b>

**Chi tiết phát sinh cho từng công trình:**

Công trình	01/01/2011	Phát sinh trong kỳ	30/06/2011
Trung tâm thương mại Thái Nguyên	22.874.102.835	3.932.063.288	26.806.166.123
Căn hộ tại Dự án Văn Phú	-	5.679.382.761	5.679.382.761
Dự án Quản lý chợ Tam Đa	-	5.325.480.889	5.325.480.889
Khu Công nghiệp vừa và nhỏ Đa Hội	1.459.606.473	119.811.256	1.579.417.729
Khu Công nghiệp Điềm Thụy	11.380.342.870	468.730.552	11.849.073.422
Khu Trung tâm thương mại Bắc Ninh	81.622.689	436.599.959	518.222.648
Khu đô thị số 5 Túc Duyên	166.474.000	37.486.455	203.960.455
Các dự án khác	112.686.833	863.509.766	976.196.599
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.074.835.700</b>	<b>16.863.064.926</b>	<b>52.937.900.626</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	30/06/2011		31/12/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á				
Thái Bình Dương	637.640,40	6.376.404.000	490.200,40	4.902.004.000
Trường Đại học Tư thục Đông Nam Á		575.000.000		575.000.000
Hợp tác góp vốn liên doanh (*)		170.000.000		-
		<b>7.121.404.000</b>		<b>5.477.004.000</b>

(\*) Đây là khoản hợp tác góp vốn liên doanh không thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo hợp đồng hợp tác góp vốn liên doanh số 47/2010/HĐHTKD giữa Công ty Cổ phần Apec Land Huế với Công ty TNHH Liên Bằng về việc tham gia hợp tác đầu tư kinh doanh khai thác, sản xuất và cung cấp các loại sản phẩm đá granit tại Mỏ Núi Voi, xã Bình Thành, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo hợp đồng, giá trị vốn góp của mỗi bên là 2.580.000.000 đồng, hiện tại Công ty Cổ phần Apec Land Huế đã thực hiện góp 170.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30/06/2011 như sau:

Tên Công ty	Nơi hoạt động và thành lập	Tỷ lệ	Tỷ lệ	Hoạt động chính
		phần sở hữu	quyền biểu quyết năm	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á				Khai thác
Thái Bình Dương	Tỉnh Hà Giang	49%	49%	khoáng sản
Trường Đại học Tư thục Đông Nam Á	Tỉnh Hòa Bình	23%	23%	Trường đại học

**11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/06/2011		31/12/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Vận tải biển và Hợp tác lao động quốc tế	3.698.626,70	36.986.267.000	3.698.626,70	36.986.267.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hà Nội	4.553.440,00	45.534.400.000	4.553.440,00	45.534.400.000
Công ty Cổ phần Nam Dược	650.000,00	6.500.000.000	650.000,00	6.500.000.000
		<b>89.020.667.000</b>		<b>89.020.667.000</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	70.272.315	5.500.000
Thuế thu nhập cá nhân	100.025.202	56.750.348
Phí môi trường	-	3.000.000
	<b>170.297.517</b>	<b>65.250.348</b>

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	30.185.076	95.351.930
Nhận tiền đặt cọc từ Công ty CP Bất động sản An Phát Lan	13.576.691.500	-
Các khoản phải trả khác	394.367.238	115.919.238
	<b>14.001.243.814</b>	<b>211.271.168</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG**Tầng 6 tòa nhà APEC, 14 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng,  
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động  
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU B 09-DN****14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

Đơn vị: VND

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>thuế chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Số dư tại ngày 31/12/2009</b>	<b>264.000.000.000</b>	<b>48.496.600.000</b>	<b>1.268.874.614</b>	<b>24.751.612</b>	<b>(92.617.449.760)</b>	<b>221.172.776.466</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	25.680.342.819	25.680.342.819
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b>264.000.000.000</b>	<b>48.496.600.000</b>	<b>1.268.874.614</b>	<b>24.751.612</b>	<b>(66.937.106.941)</b>	<b>246.853.119.285</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	971.512.800	971.512.800
<b>Số dư tại ngày 30/06/2011</b>	<b>264.000.000.000</b>	<b>48.496.600.000</b>	<b>1.268.874.614</b>	<b>24.751.612</b>	<b>(65.965.594.141)</b>	<b>247.824.632.085</b>

**Tình hình góp vốn điều lệ:**

	<b>Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</b>		<b>Vốn đã góp tại ngày 30/06/2011</b>	
	<b>VND</b>	<b>(%)</b>	<b>VND</b>	<b>(%)</b>
Ông Nguyễn Đỗ Lăng	81.000.000.000	16,20	39.799.220.000	7,96
Ông Nguyễn Mạnh Hòa	4.000.000.000	0,80	-	0,00
Ông Nguyễn Duy Khanh	15.000.000.000	3,00	5.000.000.000	1,00
Các cổ đông khác	400.000.000.000	80,00	219.200.780.000	43,84
	<b>500.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>264.000.000.000</b>	<b>52,80</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	<b>30/06/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Cổ phiếu phổ thông</b>		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	50.000.000	50.000.000
+ Số cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	26.400.000	26.400.000
+ Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	26.400.000	26.400.000

**15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011</b>	<b>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	4.865.434.557	1.940.098.031
Cổ tức và lợi nhuận được chia	14.779.400	1.655.035.400
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	2.179.083.828
	<b>4.880.213.957</b>	<b>5.774.217.259</b>

**16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011</b>	<b>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	1.169.934.800	-
Chi phí tài chính khác	25.000	137.180.621
	<b>1.169.959.800</b>	<b>137.180.621</b>

**17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH**

	<b>Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011</b>	<b>Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1.036.285.115</b>	<b>2.678.787.479</b>
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	1.655.035.400
- <i>Giảm: Doanh thu không chịu thuế</i>	-	1.655.035.400
Chuyển lỗ	777.195.855	1.023.752.079
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>259.089.260</b>	<b>-</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
	<b>64.772.315</b>	<b>-</b>

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**18. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	971.512.800	2.678.787.479
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	26.400.000	26.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37	101
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

**19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty có ký hợp đồng thuê văn phòng với Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương về việc thuê văn phòng tầng 6 và tầng 9 tòa nhà APEC số 14 Lê Đại Hành. Theo hợp đồng này, thời hạn thuê từ ngày 01/05/2010 đến ngày 30/04/2013, đơn giá cho thuê là 3.670 USD/tháng (chưa bao gồm VAT).

**20. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND
<b>Chuyển tiền ủy thác đầu tư</b>	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	32.600.000.000
<b>Thu hồi tiền ủy thác đầu tư</b>	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	57.500.000.000
<b>Lãi từ hoạt động ủy thác</b>	
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	2.139.186.008

**Số dư với các bên liên quan:**

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	678.500.000	678.500.000
<b>Phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương	5.199.904.000	5.199.904.000
<b>Các khoản đầu tư và cho vay</b>		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Châu Á Thái Bình Dương	28.050.000.000	3.150.000.000

**Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lương Hội đồng quản trị & Ban Giám đốc	977.000.000	863.407.609
Thưởng	13.000.000	12.500.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Là số liệu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 chưa được kiểm toán.

---

**Nguyễn Duy Khanh**  
**Tổng Giám đốc**  
*Hà Nội, ngày 29 tháng 07 năm 2011*

---

**Nguyễn Văn Hiếu**  
**Kế toán trưởng**